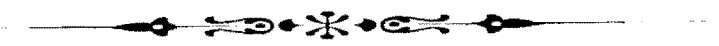
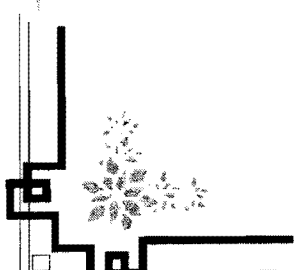




**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC  
AN GIANG**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG  
NĂM 2017**

**Tháng 04/2018**



**MỤC LỤC**

|             |   |           |
|-------------|---|-----------|
| 1.          | <i>Thông tin chung</i> .....  | 1         |
| 1.          | Thông tin khái quát.....  | 1         |
| 2.          | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....   | 1         |
| 3.          | Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....  | 2         |
| 4.          | Định hướng phát triển.....  | 4         |
| 5.          | Các rủi ro.....   | 4         |
| <b>II.</b>  | <b>Tình hình hoạt động trong năm</b> .....  | <b>5</b>  |
| 1.          | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....  | 5         |
| 2.          | Tổ chức và nhân sự.....   | 5         |
| 3.          | Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....  | 9         |
| 4.          | Tình hình tài chính.....  | 10        |
| 5.          | Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu).....  | 10        |
| 6.          | Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....  | 12        |
| 6.1.        | Quản lý nguồn nguyên vật liệu:.....   | 12        |
| 6.2.        | Tiêu thụ năng lượng:.....   | 12        |
| 6.3.        | Tiêu thụ nước:.....   | 12        |
| 6.4.        | Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:.....   | 12        |
| 6.5.        | Chính sách liên quan đến người lao động.....  | 12        |
| 6.6.        | Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....   | 13        |
| 6.7.        | Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN; Không.....   | 13        |
| <b>III.</b> | <b>Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc</b> .....   | <b>13</b> |
| 1.          | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....   | 13        |
| 2.          | Tình hình tài chính.....  | 14        |
| 3.          | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....  | 15        |
| 4.          | Kế hoạch phát triển trong tương lai:.....   | 15        |
| <b>IV.</b>  | <b>Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty</b> .....  | <b>15</b> |
| 1.          | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội..... | 16        |
| 2.          | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:.....  | 16        |
| 3.          | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:.....  | 16        |
| <b>V.</b>   | <b>Quản trị công ty</b> .....   | <b>16</b> |
| 1.          | Hội đồng quản trị.....  | 16        |
| 2.          | Ban Kiểm soát.....  | 20        |
| 3.          | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....                                     | 23        |
| <b>VI.</b>  | <b>Báo cáo tài chính</b> .....  | <b>24</b> |
| 1.          | Ý kiến kiểm toán:.....  | 24        |
| 2.          | Báo cáo tài chính được kiểm toán.....   | 24        |

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

|   |    |
|---|----|
| Bảng số 1: Cơ cấu lao động.....   | 9  |
| Bảng số 2: Tình hình tài chính .....  | 10 |
| Bảng số 3: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....  | 10 |
| Bảng số 4: Cơ cấu cổ đông.....  | 11 |
| Bảng số 5: Tình hình tài sản.....   | 14 |
| Bảng số 6: Tình hình công nợ .....  | 15 |
| Bảng số 7: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2016.....  | 20 |
| Bảng số 8: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát ..... | 23 |
| Bảng số 9: Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....   | 23 |

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Điện nước An Giang
- Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1600249791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 28 tháng 03 năm 2011, thay đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 08 năm 2016
- Vốn điều lệ: 486.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi sáu tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 486.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi sáu tỷ, sáu trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Số điện thoại: 0296.3856100
- Số fax: 0296.3857800
- Website: <http://diennuocag.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): **DNA**

### Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 12/1993, Ban quản lý và Phát triển Điện Nông thôn được thành lập trực thuộc Ủy ban Kế hoạch tỉnh An Giang có nhiệm vụ triển khai thi công đường dây cao thế 110KV đến Châu Đốc và đường dây 35KV về đến tất cả các huyện thị. Năm 1995, Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang giao thêm nhiệm vụ phát triển nước sạch nông thôn và đổi tên gọi Ban Quản lý và Phát triển Điện Nước Nông thôn An Giang.

Tháng 11/1996, chuyển thành Công ty Điện Nước An Giang với nhiệm vụ cung cấp điện nước phục vụ cho người dân theo Quyết định thành lập Công ty số 1570/QĐ.UBND ngày 18/11/1996 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang.

Theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 4/8/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang, Công ty Điện nước An Giang tiến hành cổ phần hóa.

Ngày 25/3/2011, Công ty Cổ phần Điện nước An Giang đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và chính thức hoạt động từ ngày 01/04/2011 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp lần đầu ngày 28/3/2011 và thay đổi lần thứ tư ngày 10/8/2016.

Từ đó đến nay, mức vốn điều lệ của công ty không thay đổi vẫn giữ nguyên là 486.600.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu tỷ, sáu trăm triệu đồng)

Năm 2016, Công ty đã thực hiện đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Quản lý phát triển khai thác, cung ứng điện nước. Thi công, lắp đặt, sửa chữa, bán buôn thiết bị điện năng lượng mặt trời, pin mặt trời. Thi công trình điện hạ thế, lắp đặt hệ thống mạng phân phối nước. Kinh doanh vật tư chuyên ngành điện nước.

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu là ở tỉnh An Giang.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### 3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý

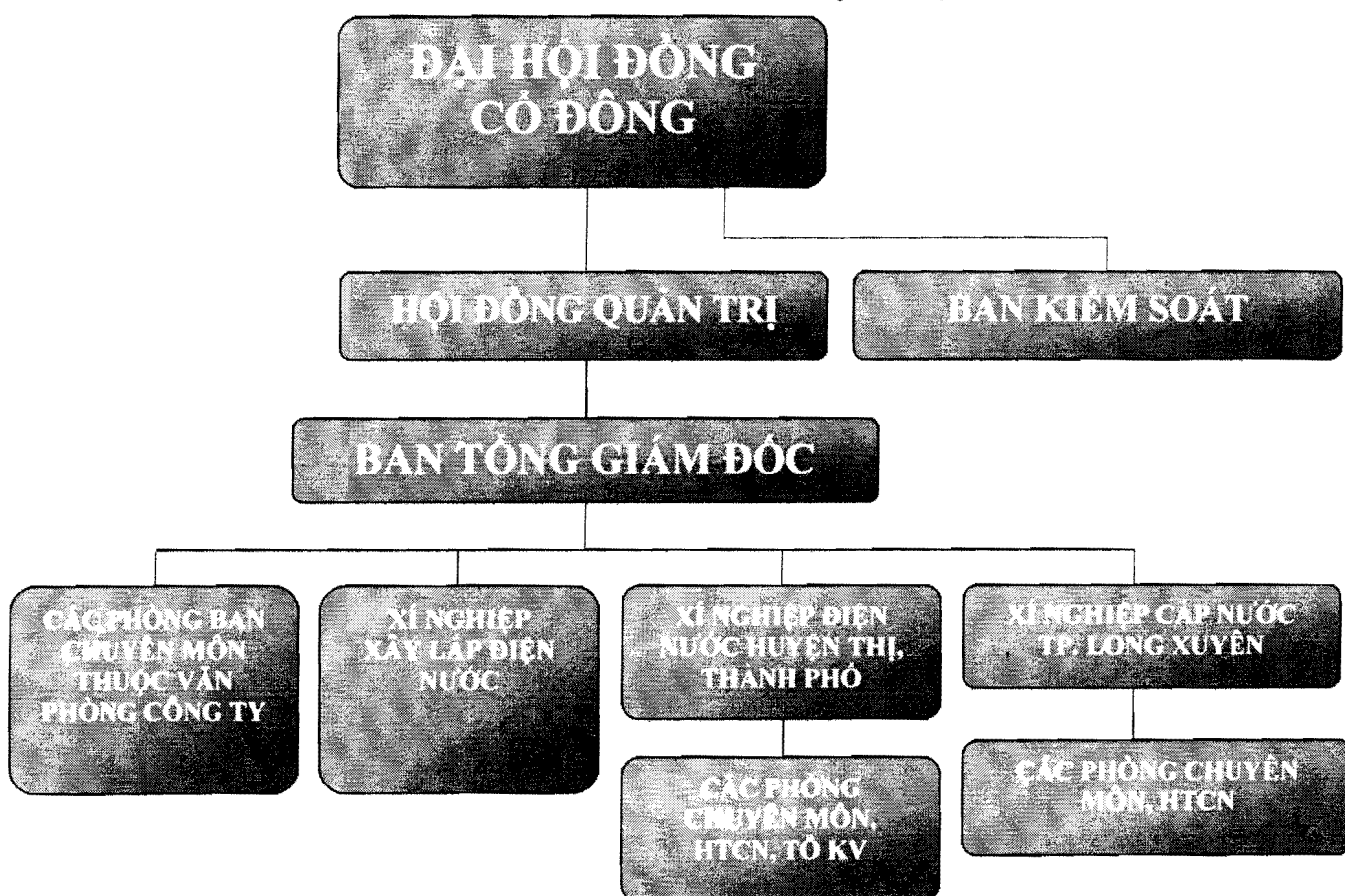
Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Khối văn phòng Công ty và các Tổ đội sản xuất.

- Khối văn phòng Công ty: gồm 14 phòng, ban chức năng.
- Khối Xi nghiệp gồm 12 đơn vị:
  - + 10 Xi nghiệp Điện Nước huyện, thị, thành;
  - + Xi nghiệp Cấp nước TP. Long Xuyên;
  - + Xi nghiệp Xây lắp Điện Nước.

#### 3.2. Mô hình quản trị

Sơ đồ số 1: Mô hình quản trị



(Nguồn: CTCP Điện nước An Giang)

↓ Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban như sau:

#### ▪ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) có nhiệm kỳ 05 năm.

#### ▪ Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền

nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Theo điều lệ công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

HDQT hiện nay gồm 07 thành viên:

|                          |  |
|--------------------------|--|
| 1. Ông: Lương Văn Bạ     | Chủ tịch HDQT  |
| 2. Ông: Lê Thành Bửu     | Thành viên kiêm Tổng Giám đốc  |
| 3. Ông: Trần Thanh Hoàng | Thành viên chuyên trách  |
| 4. Ông: Lâm Thành Quang  | Thành viên chuyên trách  |
| 5. Ông: Trần Nhất Trí    | Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP. Long Xuyên |
| 6. Ông: Lê Việt Anh      | Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc  |
| 7. Ông: Nguyễn Tuấn Huy  | Thành viên kiêm Giám đốc XN Điện Nước huyện Thoại Sơn                      |

▪ **Ban kiểm soát:**

Do Đại Hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động của Công ty. BKS hiện nay gồm 03 thành viên:

|                             |              |
|-----------------------------|--------------|
| 1. Ông: Đặng Chánh Nghĩa    | - Trưởng ban |
| 2. Ông: Lê Phúc Nhuận       | - Thành viên |
| 3. Bà: Nguyễn Thị Ngọc Châu | - Thành viên |

▪ **Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Ban Tổng Giám đốc là bộ phận giúp việc cho Chủ tịch HDQT Công ty. Chủ tịch HDQT Công ty có trách nhiệm điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc và có thể giao cho các thành viên trong Ban Tổng giám đốc thay mặt mình quản lý, giải quyết hoặc thực hiện bất kỳ một công việc hoặc mảng công việc của công ty

▪ **Các phòng ban chuyên môn thuộc văn phòng công ty và các chi nhánh của công ty**

- Công ty bao gồm: 01 Văn phòng công ty và 12 XN trực thuộc.
- Văn phòng công ty: có 14 phòng, ban gồm:
  - + Phòng Kế hoạch – Kinh doanh;
  - + Phòng Kế toán;
  - + Phòng Kỹ thuật điện;
  - + Phòng Kỹ thuật nước;
  - + Phòng An toàn Điện Nước và Môi Trường;
  - + BQL Dự án Đầu tư – Xây dựng;
  - + BQL dự án Hệ thống thoát nước và Xử lý nước thải TP. Châu Đốc;
  - + BQL dự án Hệ thống thoát nước và Xử lý nước thải TP. Long Xuyên;
  - + Phòng Vật tư;
  - + Phòng Hóa đơn;
  - + Phòng Tổ chức - Lao động - Tiền lương;
  - + Phòng Chống Thất thoát - Thất thu Điện nước;
  - + Phòng Pháp Chế;
  - + BQL khu biệt thự vườn Châu Đốc Núi Sam.
- Khối Xi nghiệp: bao gồm 12 XN trực thuộc:

- + XN Cấp Nước TP. Long Xuyên: kinh doanh trên địa bàn TP.Long Xuyên;
- + XN Điện Nước TP.Châu Đốc: kinh doanh trên địa bàn TP.Châu Đốc;
- + XN Điện Nước Châu Phú: kinh doanh trên địa bàn huyện Châu Phú;
- + XN Điện Nước huyện Chợ Mới: kinh doanh trên địa bàn huyện Chợ Mới;
- + XN Điện Nước huyện Phú Tân: kinh doanh trên địa bàn huyện Phú Tân;
- + XN Điện Nước huyện An Phú: kinh doanh địa bàn huyện An Phú;
- + XN Điện Nước Tịnh Biên: kinh doanh trên địa bàn huyện Tịnh Biên;
- + XN Điện Nước huyện Tri Tôn: kinh doanh trên địa bàn huyện Tri Tôn;
- + XN Điện Nước TX. Tân Châu: kinh doanh trên địa bàn TX. Tân Châu;
- + XN Điện Nước Châu Thành: kinh doanh trên địa bàn huyện Châu Thành;
- + XN Điện Nước Thoại Sơn: kinh doanh trên địa bàn huyện Thoại Sơn;
- + XN Xây Lắp Điện Nước: xây lắp các công trình điện nước.

### **3.3. Các công ty con và công ty liên kết: Không có**

### **4. Định hướng phát triển**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Không ngừng phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát triển bền vững Công ty và tối đa hoá lợi nhuận của cổ đông, nâng cao giá trị thương hiệu Công ty, cải thiện đời sống, điều kiện làm việc và thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên cấp quản lý, nâng cao ý thức làm việc cũng như tay nghề của anh chị em cán bộ công nhân viên (CB-CNV) trong toàn Công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Tuân thủ theo quy định đối với việc bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tạo công ăn việc làm và chế độ phúc lợi cho người lao động.

### **5. Các rủi ro**

#### **✦ Rủi ro kinh tế**

Nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro được hình thành từ sự biến động của các nhân tố kinh tế cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các doanh nghiệp, với vai trò là một trong các chủ thể của nền kinh tế cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố trên.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới hồi phục khó khăn, rủi ro nhiều, kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu cải thiện cả ở góc độ sản xuất kinh doanh cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa bền vững, phục hồi không đều, tăng trưởng dựa nhiều vào khu vực FDI.

Mặt khác, vào đúng thời điểm Việt Nam đẩy mạnh tiến trình hội nhập đến mức sâu sắc thì cục diện kinh tế chính trị quốc tế diễn ra những điều ngoài ý muốn. Trước mắt, nó sẽ làm tăng tính bất định, và chỉ riêng điều đó đã tác động tiêu cực đến việc đầu tư, kinh doanh, tiêu dùng ...

#### **✦ Rủi ro luật pháp**

Việt Nam đang đẩy mạnh tiến trình hội nhập, điều này khiến môi trường kinh doanh

của các Doanh nghiệp cũng thay đổi nhiều. Đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Điện nước An Giang nói riêng phải nhận thức được những thông tin pháp lý, chính sách thỏa thuận cam kết quốc tế cũng như những thay đổi dự kiến trong chính sách pháp luật quốc gia, để thích ứng kịp thời sự hội nhập, cạnh tranh, phát triển.

Pháp luật và các chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Hàng loạt các thay đổi về cơ chế, chính sách pháp luật kinh doanh trọng yếu vừa qua và sắp tới cũng đòi hỏi Công ty phải có sự chuyển đổi cơ chế, chính sách nội bộ của mình.

Ngoài ra, trong năm 2016 Công ty cổ phần Điện nước An Giang đã trở thành công ty đại chúng quy mô lớn. Vì vậy, ngoài việc hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp thì hoạt động của Công ty còn bị điều chỉnh bởi các văn bản liên quan đến thị trường Chứng khoán.

Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì Công ty còn chịu sự quản lý, chi phối của các hiệp hội... Do đó, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước, chính sách có liên quan, .. sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Để tồn tại và phát triển đòi hỏi Công ty phải tiếp tục tìm kiếm sáng tạo những định hướng mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới trong hoạt động kinh doanh

## II. Tình hình hoạt động trong năm:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Những chỉ tiêu đã đạt được:

| STT | Tiêu chí                   | ĐVT            | Năm 2016    | Năm 2017    | % tăng /giảm |
|-----|----------------------------|----------------|-------------|-------------|--------------|
| 1   | Sản lượng điện tiêu thụ    | kWh            | 576.087.213 | 602.736.919 | 104,63%      |
| 2   | Tỷ lệ hao hụt điện         | %              | 6,03%       | 5,57%       | - 0,46%      |
| 3   | Phát triển khách hàng điện | hộ             | 16.364      | 24.217      | 147,99%      |
| 4   | Sản lượng nước tiêu thụ    | m <sup>3</sup> | 61.219.119  | 64.140.428  | 104,77%      |
| 5   | Tỷ lệ hao hụt nước         | %              | 24,58       | 22,6        | - 1,98%      |
| 6   | Phát triển khách hàng nước | hộ             | 23.442      | 23.834      | 101,67%      |

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1. Danh sách Ban điều hành:

✚ Danh sách Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

| STT | Họ và tên         | Chức vụ           |
|-----|-------------------|-------------------|
| 1   | Lê Thành Bửu      | Tổng Giám đốc     |
| 2   | Trần Nhật Trí     | Phó Tổng Giám đốc |
| 3   | Lê Việt Anh       | Phó Tổng Giám đốc |
| 4   | Trương Văn Nghiệm | Kế toán trưởng    |

✚ Lý lịch thành viên Ban điều hành

**LÊ THÀNH BỬU**

- Giới tính: Nam



- Ngày sinh: 26/02/1960
- CMND: 350009449; Ngày cấp: 19/09/2008; Nơi cấp: CA An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khóm 4, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, An Giang;
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
- Quá trình công tác:

|                     |  |
|---------------------|--|
| Từ 1984 – 1990      | Phó phòng Kế hoạch Vật tư, Trưởng phòng Tài vụ Kinh doanh, Trưởng phòng TC-HC Công ty Nhà đất Công trình công cộng tỉnh An Giang |
| Từ 1990 – 1994      | Phó Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang  |
| Từ 1994 – 2001      | Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang  |
| Từ 2001 – 03/2011   | Phó Giám đốc Cty Điện nước An Giang  |
| Từ 3/2011 – 10/2013 | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên  |
| Từ 11/2013-06/2016  | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang   |
| Từ 06/2016 - nay    | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang   |

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 6.591.295 cổ phần, chiếm tỷ lệ 13.55% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 13.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 6.577.995 cổ phần, chiếm tỷ lệ 13,52% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 12.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,046% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Vợ: Bùi Thị Nguyệt, cổ phần sở hữu cá nhân: 22.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### TRẦN NHẤT TRÍ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/12/1970
- CMND: 352026491; Ngày cấp: 2/11/2006; Nơi cấp: CA, An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9A Dề Thám, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang

Trình độ văn hóa: TNPT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

|                   |   |
|-------------------|---|
| Từ 1994 – 2002    | Chuyên viên phòng Kế hoạch – Kinh doanh   |
| Từ 2003 – 2004    | Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh   |
| Từ 2005 – 03/2011 | Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh  |
| Từ 4/2011 – 2013  | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Điện nước TP Châu Đốc  |
| Từ 2014 – nay     | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên |

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.396.930 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9.04% vốn điều lệ.
- Trong đó:
  - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 11.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.02% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần đại diện sở hữu: 4.385.330 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9.01% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 1.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0026%

vốn điều lệ

Trong đó:

+ Vợ: Nguyễn Ngọc Bích, cổ phần sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0026% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### LÊ VIỆT ANH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/5/1972
- CMND: 351012816; Ngày cấp: 17/06/1999; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: TT. An Châu, huyện Châu Thành, An Giang
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

|                      |  |
|----------------------|--|
| Từ 1995 – 2000       | Chuyên viên phòng Kinh doanh                       |
| Từ 2001 – 2003       | Phó phòng Kinh doanh                               |
| Từ 2003 – 2004       | Quyền Trưởng phòng Kinh doanh                      |
| Từ 2004 – 10/2005    | Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Châu Thành      |
| Từ 11/2005 – 03/2011 | Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Phú Tân         |
| Từ 04/2011 – 12/2012 | Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước |

|                         |   |
|-------------------------|---|
|                         | <i>huyện Phú Tân</i>  |
| <i>Từ 2013 - 8/2014</i> | <i>Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Chợ Mới</i> |
| <i>Từ 8/2014 - nay</i>  | <i>Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang</i>     |

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 4.499.730 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9.25% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 114.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ .0,24....% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 4.385.330 cổ phần, chiếm tỷ lệ ..9,01....% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### TRƯƠNG VĂN NGHIỆM

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 01/05/1971

- CMND: 352240364; Ngày cấp: 13/11/2009; Nơi cấp: CA. An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 521E Võ Thị Sáu, P. Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán; .Thạc sĩ kinh tế - Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

|                      |   |
|----------------------|---|
| <i>1996 - 1999</i>   | <i>Chuyên viên phòng kế toán Công ty Điện Nước An Giang</i> |
| <i>1999 đến 2012</i> | <i>Phó phòng kế toán Công Ty ĐN An Giang</i>                |
| <i>2012 đến nay</i>  | <i>Kế toán trưởng Công ty CP Điện Nước An Giang</i>         |

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 2000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.004% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Vợ : Lê Ngọc Thuận, số cổ phần nắm giữ : 2.000 cp, chiếm tỉ lệ : 0.004 % vốn

điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:** Không có

**2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.** Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

**Bảng số 1: Cơ cấu lao động**

| <b>Cơ cấu lao động</b>  | <b>Số người</b> | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|---|-----------------|------------------|
| <b>Phân theo trình độ lao động</b>                                    | <b>1.360</b>    | <b>100%</b>      |
| Dại học và trên đại học   | 256             | 18.82%           |
| Cao đẳng, Trung cấp   | 530             | 38.97%           |
| Sơ cấp và công nhân kỹ thuật  | 359             | 26.39%           |
| Tốt nghiệp phổ thông  | 215             | 15.80%           |
| <b>Phân theo loại hợp đồng lao động</b>                               | <b>1.360</b>    | <b>100%</b>      |
| - Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ                                   | 0               | -                |
| - Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn                 | 1.124           | 82.65%           |
| - Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng | 135             | 9.93%            |
| - Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng.                          | 101             | 7.42%            |
| <b>Phân loại theo giới tính</b>                                       | <b>1.360</b>    | <b>100%</b>      |
| - Nam   | 1.128           | 82.94%           |
| - Nữ  | 232             | 17.06%           |

**✦ Chính sách lương thưởng**

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. CB-CNV trong Công ty ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.

Nhằm khuyến khích, động viên CB-CNV trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

Công ty trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định của pháp luật. Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty hoạt động hiệu quả. Hàng năm, cán bộ công nhân viên Công ty đều được hưởng chế độ vào các dịp lễ, tết.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

**4. Tình hình tài chính****a) Tình hình tài chính****Bảng số 2: Tình hình tài chính**

| Chỉ tiêu                               | Năm 2016          | Năm 2017          | % tăng<br>giảm/ |
|--|-------------------|-------------------|-----------------|
| Tổng giá trị tài sản                   | 1.924.339.381.510 | 2.309.931.352.420 | 20.04%          |
| Doanh thu thuần                        | 1.322.776.038.060 | 1.401.499.158.174 | 5.95%           |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh      | 129.035.543.377   | 129.145.449.521   | 0.08%           |
| Lợi nhuận khác                         | -221.431.831      | 6.630.432.787     | 2994.34%        |
| Lợi nhuận trước thuế                   | 128.814.111.546   | 135.775.882.308   | 5.40%           |
| Lợi nhuận sau thuế                     | 102.588.567.458   | 108.661.090.779   | 5.92%           |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/vốn điều lệ | 15%               | 15%               | 0%              |

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:****Bảng số 3: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| Các chỉ tiêu                              | Đơn vị<br>tính | 31/12/2016 | 31/12/2017 |
|---|----------------|------------|------------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> |                |            |            |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn               | lần            | 1.80       | 0.87       |
| + Hệ số thanh toán nhanh                  | lần            | 1.50       | 0.71       |
| + Hệ số thanh toán tiền mặt               | lần            | 0.11       | 0.05       |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>          |                |            |            |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                   | %              | 23.53      | 27.93      |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                 | %              | 30.77      | 37.27      |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>  |                |            |            |
| + Vòng quay hàng tồn kho                  | lần            | 19.63      | 21.37      |
| + Vòng quay tổng tài sản                  | lần            | 0.73       | 0.66       |
| + Vòng quay tài sản cố định               | lần            | 1.60       | 1.72       |
| + Vòng quay các khoản phải thu            | lần            | 10.75      | 10.46      |
| + Vòng quay các khoản phải trả            | lần            | 6.41       | 4.48       |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh</b>       |                |            |            |

| Các chỉ tiêu                               | Đơn vị tính | 31/12/2016 | 31/12/2017 |
|--|-------------|------------|------------|
| <b>lời</b>                                 |             |            |            |
| + Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần      | %           | 7,76%      | 7,75%      |
| + Hệ số lợi nhuận Gộp/ Doanh thu thuần     | %           | 21,48%     | 21,24%     |
| + Lợi nhuận từ HDKD/ Doanh thu thuần       | %           | 9,75%      | 9,21%      |
| + Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE) | %           | 7,46%      | 6,89%      |
| + Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)    | %           | 5,63%      | 5,13%      |
| + Thu nhập trên cổ phiếu (EPS)             | đồng/cp     | 2.108      | 2.233      |
| + Giá trị sổ sách của cổ phần              | ĐỒNG/cp     | 30.241     | 34.582     |

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu)

#### a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 48.660.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 48.410.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 250.000 cổ phiếu.

#### b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm .../.../2018

**Bảng số 4: Cơ cấu cổ đông**

| STT      | Loại cổ đông              | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần  | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|----------|---------------------------|------------------|-------------------|-----------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>712</b>       | <b>48.660.000</b> | <b>100%</b>                       |
| 1.1      | Tổ chức                   | 10               | 44.963.300        | 92,40%                            |
| 1.2      | Cá nhân                   | 702              | 3.696.700         | 7,60%                             |
| <b>2</b> | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>00</b>        | <b>00</b>         | <b>00</b>                         |
| 2.1      | Tổ chức                   | 00               | 00                | 00                                |
| 2.2      | Cá nhân                   | 00               | 00                | 00                                |

|          |                     |            |                   |             |
|----------|---------------------|------------|-------------------|-------------|
| <b>3</b> | <b>Cổ phiếu quỹ</b> | <b>00</b>  | <b>00</b>         | <b>00</b>   |
|          | <b>Tổng Cộng</b>    | <b>712</b> | <b>48.660.000</b> | <b>100%</b> |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có.

## **5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **5.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Chủ yếu là nguyên vật liệu dùng để sản xuất nước sạch như : điện, PAC, Clor.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

### **5.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

### **5.3. Tiêu thụ nước:**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Chủ yếu khai thác nguồn nước mặt sông Tiền, sông Hậu và các kênh, rạch trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Tổng lượng nước khai thác: 82.867.028 m<sup>3</sup>

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

### **5.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

### **5.5. Chính sách liên quan đến người lao động.**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

| <b>Năm</b>                                  | <b>2015</b> | <b>2016</b> | <b>2017</b> |
|---|-------------|-------------|-------------|
| Lao động bình quân (người)                  | 1.330       | 1.335       | 1.360       |
| Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 6.800.000   | 7.100.000   | 7.350.000   |

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 44 giờ/tuần, nghỉ trưa 1.5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản, CBCNV được nghỉ lễ và tết 10 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được

nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV

#### *c) Hoạt động đào tạo người lao động*

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập trình độ về ngoại ngữ và tin học.

Công ty cũng dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác dễ tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.

Bên cạnh đó, hàng năm đơn vị cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

#### *5.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

#### *5.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không*

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc**

#### ***1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:***

1.1. Năm 2017, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã giao. Đảm bảo quỹ tiền lương của người lao động được chi trả theo kế hoạch. Cụ thể:

a- Về Kết quả kinh doanh:

- Tổng doanh thu năm là 1.401.499.158.174 đồng, tăng 1,56% so kế hoạch, tăng 5,95% so với thực hiện năm 2016.

- Lợi nhuận trước thuế năm là 135.775.882.308 đồng, tăng 1,33 % so kế hoạch, tăng 5,4% so cùng kỳ năm 2016.

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ : 27,90%, tăng 0,36% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.

b- Về thực hiện các chỉ tiêu SX-KD:

- Phát triển khách hàng điện được 24.217 hộ, đạt 201,81% chỉ tiêu kế hoạch, tăng 50%



so cùng kỳ năm 2016.

- Phát triển khách hàng nước được 23.834 hộ, đạt 183,34% chỉ tiêu kế hoạch, tăng 1,67% so cùng kỳ năm 2016.

- Sản lượng điện bán 602.736.919 kWh, đạt 100,29% chỉ tiêu kế hoạch năm, so cùng kỳ năm 2016 tăng 4,63%.

- Tỷ lệ hao hụt điện: 5,57%, giảm 0,93% so chỉ tiêu kế hoạch năm, so cùng kỳ năm 2016 giảm 0,45%.

- Sản lượng nước tiêu thụ 64.140.828 m<sup>3</sup>, đạt 99,41% chỉ tiêu kế hoạch năm: so cùng kỳ năm 2016 tăng 4,77%.

- Tỷ lệ hao hụt nước: 22,60%, giảm 1,05% so chỉ tiêu kế hoạch năm, so cùng kỳ năm 2016 giảm 1,98%.

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Trong năm 2017, các Xí nghiệp và Văn phòng Công ty đã có sự nỗ lực rất lớn, góp phần cùng Công ty cơ bản thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Đảm bảo quỹ tiền lương của người lao động được chi trả theo kế hoạch. Được thể hiện qua những kết quả như sau:

+ Doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách đều đạt vượt chỉ tiêu nghị quyết.

+ Công tác phát triển khách hàng điện, nước: Sản lượng điện bán; Tỷ lệ thất thoát điện nước đều thực hiện đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch, tăng cao so với cùng kỳ năm 2016.

- Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành những chủ trương phù hợp với tình hình và điều kiện, khả năng Công ty, đáp ứng những yêu cầu thực tế trong việc đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; Sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt và kịp thời xử lý những vướng mắc, trở ngại trong quá trình sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty:

- Công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của các Xí nghiệp ngày càng tiến bộ, linh hoạt, phát huy tốt các hệ thống điện nước theo hiện trạng sẵn có, đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng tăng của khách hàng; công tác vận động nhân dân, địa phương góp sức cùng Công ty đầu tư đường dây hạ thế, mạng ống cấp nước được các Xí nghiệp thực hiện tốt, góp phần tăng số hộ sử dụng điện nước và tăng sản lượng;

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

**Bảng số 5: Tình hình tài sản**

| Chỉ tiêu                              | Năm 2016               | Năm 2017               | % tăng giảm/   |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|----------------|
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>               | <b>323.727.761.592</b> | <b>272.041.370.724</b> | <b>-15,97%</b> |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 19.869.505.863         | 14.620.663.531         | -26,42%        |
| 2. Các khoản phải thu ngắn hạn        | 123.291.604.871        | 144.639.303.082        | 17,31%         |
| <i>Phải thu khách hàng</i>            | <i>113.624.041.327</i> | <i>138.215.512.776</i> | 21,64%         |
| <i>Trả trước cho người bán</i>        | <i>7.102.388</i>       | <i>71.500.000</i>      | 906,70%        |

|                               |                          |                          |                |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------|
| <i>Phải thu ngắn hạn khác</i> | <i>9.531.373.324</i>     | <i>6.314.149.533</i>     | <i>-33.75%</i> |
| 3. Hàng tồn kho               | 53.184.162.413           | 50.123.423.702           | -5.75%         |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác      | 10.355.168.309           | 11.453.660.021           | 10.61%         |
| <b>Tài sản dài hạn</b>        | <b>1.600.611.619.918</b> | <b>2.037.889.981.696</b> | <b>27.32%</b>  |
| 1. Các khoản phải thu dài hạn | 283.141.917.174          | 111.866.271.672          | -60.49%        |
| 2. Tài sản cố định            | 821.817.254.011          | 805.096.195.373          | -2.03%         |
| 3. Tài sản dở dang dài hạn    | 466.203.552.178          | 1.052.575.501.507        | 125.78%        |
| 4. Đầu tư tài chính dài hạn   | 467.984.815              | 1.495.367.546            | 219.53%        |
| 5. Tài sản dài hạn khác       | 28.980.911.740           | 66.856.645.598           | 130.69%        |

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

**Bảng số 6: Tình hình công nợ**

| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                     | <b>Năm 2016</b><br><i>(Đồng)</i> | <b>Năm 2017</b><br><i>(Đồng)</i> |
|--|----------------------------------|----------------------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                  | <b>452.826.837.518</b>           | <b>627.158.563.166</b>           |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>180.156.286.887</b>           | <b>311.432.034.387</b>           |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn   | 9.986.381.570                    | 74.205.912.168                   |
| 2. Phải trả cho người bán ngắn hạn     | 54.604.665.348                   | 14.271.380.204                   |
| 3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 18.033.864.788                   | 12.136.609.143                   |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 8.820.223.822                    | 29.222.667.431                   |
| 5. Phải trả người lao động             | 16.244.464.765                   | 12.572.695.574                   |
| 6. Chi phí phải trả                    | -                                | 53.150.026.776                   |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác              | 61.492.671.150                   | 105.042.146.534                  |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi            | 10.974.015.444                   | 10.830.596.557                   |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                  | <b>272.670.550.631</b>           | <b>315.726.528.779</b>           |

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của Công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên độc lập, giám sát hoạt động tài chính cũng như quản lý của công ty

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo các Phòng, Ban Công ty xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty nhằm tư vấn, giám sát việc thực hiện chiến lược và hạn chế rủi ro.

Phân tích thông tin, đánh giá dự báo xu hướng phát triển các lĩnh vực hoạt động, từ đó hạn chế rủi ro đầu tư trong những năm kế tiếp, đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

Tập trung hoàn thiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trong những năm tới các phòng ban trong toàn hệ thống.

Giám sát việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng. Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 cuộc họp Hội đồng quản trị, qua đó đã ban hành 12 Nghị quyết/Quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:**

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty; đã tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ nghiêm chỉnh đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Tiếp tục kiểm tra, giám sát Ban Tổng Giám đốc Công ty phát huy hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

Tiếp tục sắp xếp, bố trí tinh gọn bộ máy nhân sự, chọn lọc nhân sự có năng lực để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; nâng cao năng lực quản lý của bộ máy điều hành Công ty, tăng cường kiểm tra giám sát và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban Lãnh đạo Công ty.

Có chương trình, kế hoạch cụ thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm chi phí sản xuất.

Đẩy mạnh công tác quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và phong cách phục vụ chuyên nghiệp để tạo ấn tượng tốt đẹp về Công ty.

Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, chỉ đạo kịp thời, hiệu quả việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tiếp tục xây dựng tầm nhìn, kế hoạch chiến lược phát triển Công ty đến năm 2020.

## **V. Quản trị công ty.**

### **1. Hội đồng quản trị**

#### **a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Điện nước An Giang có 07 (bảy) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty**

| STT | Họ và tên        | Chức vụ                      | Ghi chú           |
|-----|------------------|------------------------------|-------------------|
| 1   | Lương Văn Bạ     | Chủ tịch Hội đồng quản trị   | Không điều hành   |
| 2   | Trần Thanh Hoàng | Thành viên Hội đồng quản trị | Không điều hành   |
| 3   | Lê Thành Bửu     | Thành viên Hội đồng quản trị | Tổng Giám đốc     |
| 4   | Lâm Thành Quang  | Thành viên Hội đồng quản trị | Không điều hành   |
| 5   | Trần Nhật Trí    | Thành viên Hội đồng quản trị | Phó Tổng Giám đốc |
| 6   | Lê Việt Anh      | Thành viên Hội đồng quản trị | Phó Tổng Giám đốc |
| 7   | Nguyễn Tuấn Huy  | Thành viên Hội đồng quản trị | Không điều hành   |

**LƯƠNG VĂN BẠ**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/11/1969
- CMND: 350860163; Ngày cấp: 09/6/2014; Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 142/1 Thoại Ngọc Hầu, P. Mỹ Long, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, cử nhân kinh tế chính trị

## Quá trình công tác:

|                  |  |
|------------------|--|
| Từ 1995 – 1997   | Phó phòng Kỹ thuật điện Cty Điện Nước An Giang               |
| Từ 1997 – 2004   | Trưởng phòng Kỹ thuật điện Cty Điện Nước An Giang            |
| Từ 2004 – 2006   | Giám đốc XN Điện nước huyện Chợ Mới - Cty Điện Nước An Giang |
| Từ 2007 – 3/2011 | Phó Giám đốc Cty Điện Nước An Giang                          |
| Từ 3/2011-6/2016 | Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang       |
| Từ 6/2016-nay    | Chủ tịch HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang                      |

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 28.526.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ 58.62% vốn điều lệ.

## Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 21.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.04 % vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 28.504.645 cổ phần, chiếm tỷ lệ 58.58% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 85.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.17% vốn điều lệ

## Trong đó:

- + Vợ: Trần Thị Thanh Tuyền, sở hữu cá nhân : 98.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.20% vốn điều lệ.

+ Chị ruột : Lương Thị Kim Hiền , sở hữu cá nhân : 8.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.

+ Em ruột : Lương Thị Cẩm Bình , sở hữu cá nhân : 3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.01% vốn điều lệ.

+ Em rể: Lê Thành Út, sở hữu cá nhân : 2.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.004% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### TRẦN THANH HOÀNG

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 13/02/1950

- CMND: 350002786; Ngày cấp: 21/09/2010; Nơi cấp: CA An Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 67 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: TNPT

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị

Quá trình công tác:

|                       |  |
|-----------------------|--|
| <i>Từ 1993 – 1996</i> | <i>Trưởng BQL Điện nước tỉnh An Giang</i>        |
| <i>Từ 1997-3/2011</i> | <i>Giám đốc Cty Điện Nước An Giang</i>           |
| <i>Từ 3/2011-nay</i>  | <i>Thành viên HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang</i> |

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT (không điều hành)

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 103.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 103.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 24.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Con ruột : Trần Thị Thanh Phương ,cổ phần sở hữu cá nhân: 24.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### LÂM THÀNH QUANG

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 10/10/1953

- CMND: 350002852; Ngày cấp: 21/12/2005; Nơi cấp: CA An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 5/2B Thủ Khoa Nghĩa, P.Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

|                        |   |
|------------------------|---|
| Từ 03/1973 – 30/4/1975 | Tham gia phong trào HSSV và tham gia biệt động thành phố Long Xuyên và thị đội Long Xuyên |
| Từ 07/1975 – 12/1979   | Công tác tại Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh An Giang  |
| Từ 01/1980 – 4/1994    | Văn phòng UBND tỉnh An Giang  |
| Từ 4/1994 – 2011       | Phó Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang   |
| Từ 2001 – 03/2011      | Phó Giám đốc Cty Điện nước An Giang, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên              |
| Từ 04/2011-10/2013     | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang                              |
| Từ 11/2013-nay         | Thành viên HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang   |

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT (không điều hành)
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### NGUYỄN TUẤN HUY

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/01/1972
- CMND: 350974918; Ngày cấp: 11/10/2007; Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 257D/13 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Khánh 3, phường Bình

Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

|                  |  |
|------------------|--|
| Từ 1994 – 2004   | Phó phòng Kế hoạch – Vật tư Cty Điện Nước AG                       |
| Từ 2004 – 3/2011 | Phó BQLDA Cty Điện nước An Giang                                   |
| Từ 4/2011-2012   | Thành viên HĐQT, kiêm Phó BQLDA Cty Điện nước An Giang             |
| Từ 2012 – nay    | Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Thoại Sơn |

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Thoại Sơn

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 6.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.01% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 6.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.01% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 3.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Vợ: Huỳnh Thị Trúc Chi, cổ phần sở hữu cá nhân: 3.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

▪ **Các thành viên khác đã nêu trong phần lý lịch Ban điều hành**

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : *Thư ký Hội đồng quản trị*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

**Bảng số 7: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2017**

| STT | Số nghị quyết | Ngày       | Nội dung   |
|-----|---------------|------------|--|
| 1   | 43/NQ-HĐQT    | 09/01/2017 | Đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam                  |
| 2   | 97/NQ-HĐQT    | 09/01/2017 | Đăng ký giao dịch cổ phiếu của Cty CP Điện Nước An Giang trên thị trường UPCOM |
| 3   | 135A/NQ-HĐQT  | 18/02/2017 | V/v Họp HĐQT thường niên lần 02  |
| 4   | 241A/NQ-HĐQT  | 15/03/2017 | V/v Họp HĐQT thường niên lần 03  |
| 5   | 380A/NQ-HĐQT  | 10/04/2017 | V/v Họp HĐQT thường niên lần 04  |
| 6   | 716A/NQ-HĐQT  | 09/05/2017 | V/v Họp HĐQT thường niên lần 05  |
| 7   | 754A/NQ-HĐQT  | 13/06/2017 | V/v Họp HĐQT thường niên lần 06  |
| 8   | 812A/NQ-HĐQT  | 20/07/2017 | V/v Họp HĐQT thường niên lần 07  |
| 9   | 1100A/NQ-HĐQT | 16/08/2017 | V/v Họp HĐQT thường niên lần 08  |
| 10  | 1124A/NQ-HĐQT | 09/09/2017 | V/v Họp HĐQT thường niên lần 09  |
| 11  | 1453A/NQ-HĐQT | 21/09/2017 | V/v Họp HĐQT thường niên lần 10  |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên. Các thành viên của ban kiểm soát có nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

| STT | Họ và tên            | Chức vụ              |
|-----|----------------------|----------------------|
| 1   | Đặng Chánh Nghĩa     | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2   | Lê Phúc Nhuận        | Thành viên BKS       |
| 3   | Nguyễn Thị Ngọc Châu | Thành viên BKS       |

**ĐẶNG CHÁNH NGHĨA**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/09/1953
- CMND: 351662584; Ngày cấp: 30/05/2001; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9E0 Đình Công Tráng, P.Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Thống kê Kế toán

Quá trình công tác:

|                |   |
|----------------|---|
| Từ 1978 - 1989 | Nhân viên Sở Kế hoạch & Đầu tư An Giang                 |
| 1994 đến 1996  | Kế toán trưởng Ban Quản Lý Điện Nông thôn tỉnh An Giang |
| 1996 đến 2005  | Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Điện Nước An Giang        |
| 2005 đến 2011  | Phó ban Quản lý Dự án HTCN Châu Đốc                     |
| 2011 đến nay   | Trưởng ban kiểm soát Công Ty CP Điện Nước An Giang      |

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 10.600. cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.02 % vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 10.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ ..0.02...% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**LÊ PHÚC NHUẬN**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/09/1954
- CMND:350002790; Ngày cấp: 10/06/2011; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9/1 Tổ 73, Trần Hưng Đạo, Khóm Đông Thịnh 5, P. Mỹ Phước, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12



- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

|              |                                       |
|--------------|---------------------------------------|
| 1977 – 1994  | Làm việc tại Ủy ban Kế hoạch Tỉnh AG  |
| 1994- 1999   | Làm việc tại Công ty Du Lịch An Giang |
| 1999 – 2011  | Phó phòng Vật Tư – Cty CP ĐN An Giang |
| 2011 đến nay | Thành viên Ban kiểm soát              |

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 10.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 10.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 12/12/1972

- CMND: 351501113; Ngày cấp: 17/02/2009; Nơi cấp: CA. An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 14 C4 Dương Khuê, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán doanh nghiệp. Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

|                  |                                      |
|------------------|--------------------------------------|
| Từ 1999 đến 2011 | Nhân viên Công ty Điện Nước An Giang |
| 2011 đến nay     | Thành viên Ban kiểm soát             |

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 4000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 4000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2017, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị ( HDQT ). Ban

Tổng Giám đốc (BTGD) năm 2017, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BGD trong năm 2017;

- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BGD về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết DIHDCĐ năm 2017 đối với HĐQT và BTGD;

- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát:

**Bảng số 8: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát**

| TT | Nội dung  | ĐVT  | Kế hoạch             | Thực tế              |
|----|---|------|----------------------|----------------------|
| 1  | Lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát    | đồng | 3.303.000.000        | 3.303.000.000        |
| 2  | Quỹ khen thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát | đồng | 400.000.000          | 400.000.000          |
|    | <b>Tổng cộng</b>  |      | <b>3.703.000.000</b> | <b>3.703.000.000</b> |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

**Bảng số 9: Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

| T<br>T | Tên người thực hiện giao dịch | Tên cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng giảm (mua bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|--------|-------------------------------|--------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
|        |                               |                    | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |  |
| 1      | Trần Thị Thanh Tuyên          | Lương Văn Bạ       | 70.800                    | 0,15% | 98.800                     | 0,2%  | Mua bán  |
| 2      | Bùi Thị Nguyệt                | Lê Thành Bửu       | 12.400                    | 0,03% | 22.800                     | 0,05% | Mua bán  |
| 3      | Trương Văn Nghiệm             | Trương Văn Nghiệm  | 4.600                     | 0,01% | 5.000                      | 0,01% | Mua bán  |

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Hội đồng Quản trị Công ty luôn hoạt động đúng theo quy định của điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên 2017, bám sát định hướng, chiến lược và tình hình thực tế để đưa ra các quyết sách, quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất của Công ty.

Công ty tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng, Tình hình nộp ngân sách nhà nước về thuế, BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao

động được thực hiện đúng theo quy định;

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán:**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Nghiệp Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

*( Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)*

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính: <http://diennuocag.com.vn/>

*Ngày 11 tháng 4 năm 2018*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



*Lương Văn Bạ*  
**Lương Văn Bạ**